BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2012/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định về đào tạo, cấp và quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đào tạo, cấp và quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo, cấp và quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, cấp và quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ là việc Tổ chức tư vấn tiến hành nghiên cứu, phân tích các tài liệu có liên quan (Báo cáo đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, Báo cáo Kinh tế -

Kỹ thuật xây dựng công trình, hồ sơ hoàn công công trình, hồ sơ quản lý tuyến đường, hồ sơ các vụ tai nạn giao thông) và tiến hành kiểm tra hiện trường để phát hiện các khả năng tiềm ẩn tai nạn giao thông hoặc đánh giá nguyên nhân gây tai nạn giao thông và đề xuất giải pháp khắc phục nhằm bảo đảm giao thông trên tuyến an toàn, thông suốt.

2. Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ là người được đào tạo và được cấp Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

3. Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ là Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện việc thẩm tra an toàn giao thông công trình đường bộ.

4. Cơ sở đào tạo là Tổ chức thực hiện việc đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Chương II
CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU ĐÀO TẠO

Điều 4. Mục tiêu, yêu cầu

1. Mục tiêu

Đào tạo đội ngũ Thẩm tra viên có đủ năng lực thực hiện công tác thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

2. Yêu cầu

Nội dung chương trình và tài liệu đào tạo bảo đảm cho học viên:

a) Nắm vững quy định của Luật Giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến an toàn giao thông, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

b) Nắm được quy định, yêu cầu của các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến an toàn giao thông đường bộ;

c) Nắm được trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

Điều 5. Chương trình đào tạo

Chương trình khung đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 6. Tài liệu giảng dạy

Tài liệu giảng dạy do cơ sở đào tạo biên soạn, phù hợp với chương trình khung đào tạo theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Chương III
TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ CẤP CHỨNG CHỈ

Điều 7. Cơ sở đào tạo

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này.

3. Được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở đào tạo

1. Tổ chức đào tạo theo đúng nội dung chương trình đào tạo.

2. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam về công tác đào tạo của năm trước.

4. Lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5. Thu học phí theo nguyên tắc lấy thu bù chi và sử dụng kinh phí đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 9. Chấp thuận cơ sở đào tạo

1. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

2. Hồ sơ do cơ sở đào tạo lập thành 01 (một) bộ, bao gồm:

a) Công văn đề nghị chấp thuận cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc quy định chức năng, nhiệm vụ, hoặc đăng ký hoạt động khoa học (bản sao có chứng thực);

c) Kê khai về cơ sở vật chất;

d) Danh sách giáo viên (có kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp) kèm theo bản sao hợp đồng giảng dạy hoặc hợp đồng lao động;

đ) Tài liệu giảng dạy (dự thảo).

3. Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ có thời hạn 5 năm; mẫu Giấy chấp thuận quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

4. Khi hết thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận, cơ sở đào tạo lập hồ sơ đề nghị gia hạn bao gồm các tài liệu quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này và công văn đề nghị gia hạn có báo cáo kết quả công tác đào tạo đã thực hiện.

5. Danh sách Cơ sở đào tạo đã chấp thuận được công khai trên trang thông tin điện tử (Website) của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 10. Giáo viên và Học viên

1. Giáo viên Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Đủ điều kiện đảm nhận chức danh chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

b) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giao thông đường bộ và có ít nhất 10 năm kinh nghiệm đối với một trong các lĩnh vực: giảng dạy về an toàn giao thông đường bộ; quản lý nhà nước về an toàn giao thông đường bộ; soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn giao thông đường bộ.

2. Học viên phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam;

b) Có năng lực hành vi dân sự; có đủ sức khỏe;

c) Có trình độ chuyên môn, thời gian làm việc và kinh nghiệm công tác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 11. Tổ chức đào tạo

1. Tuyển sinh:

a) Cơ sở đào tạo thông báo tuyển sinh, yêu cầu đối với học viên, dự kiến kế hoạch đào tạo của khóa học (thời gian, địa điểm), kinh phí và các thông tin cần thiết khác;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký học tại Cơ sở đào tạo;

c) Hồ sơ đăng ký học của Học viên bao gồm:

- Đơn đăng ký học theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này;

- 02 (hai) ảnh 4 x 6cm chụp kiểu chứng minh nhân dân trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao có chứng thực các loại văn bằng;

- Bản khai kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đường bộ, có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp Học viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này;

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

d) Cơ sở đào tạo tiếp nhận và rà soát hồ sơ, bảo đảm học viên đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

2. Cơ sở đào tạo lập kế hoạch đào tạo, thông báo cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam biết trước khi mở lớp.

3. Tổ chức đào tạo:

a) Cơ sở đào tạo tiếp nhận học viên, bố trí lớp học (mỗi lớp không quá 45 học viên);

b) Phổ biến nội quy, quy định của khóa học và cấp tài liệu cho học viên;

c) Tổ chức đào tạo theo chương trình, kế hoạch.

Điều 12. Tổ chức thi

1. Cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng thi bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Cơ sở đào tạo;

b) Phó Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Cơ quan tham mưu về an toàn giao thông của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

c) Ủy viên Hội đồng gồm 01 (một) công chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và 02 (hai) cán bộ của cơ sở đào tạo.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng thi:

a) Chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan đến quá trình tổ chức thi;

b) Tổ chức ra đề, bảo mật đề thi;

c) Kiểm tra xác định danh sách học viên đủ điều kiện dự thi;

d) Tổ chức thi, chấm thi và báo cáo kết quả thi.

3. Điều kiện dự thi và cấp Chứng chỉ:

a) Học viên được dự thi khi tham dự đầy đủ thời lượng của khóa học;

b) Học viên được cấp Chứng chỉ khi có kết quả thi đạt từ 60/100 điểm trở lên.

Điều 13. Cấp Chứng chỉ

1. Cơ sở đào tạo ra quyết định công nhận kết quả thi, trình Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Chứng chỉ trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thi.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp Chứng chỉ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ do Cơ sở đào tạo lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Tờ trình cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này;

b) Quyết định công nhận kết quả thi.

Điều 14. Trình tự, cách thức thực hiện các thủ tục hành chính

1. Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ theo quy định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ, cấp giấy hẹn trả kết quả;

b) Đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có văn bản hướng dẫn hoàn thiện.

3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thẩm định hồ sơ và cấp Chứng chỉ trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Chương IV
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 15. Quản lý Chứng chỉ

1. Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là Chứng chỉ) được Tổng Cục Đường bộ Việt Nam cấp và quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước; Chứng chỉ có thời hạn 5 năm, mẫu Chứng chỉ theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

2. Danh sách Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được được cấp Chứng chỉ, được công khai trên trang thông tin điện tử (Website) của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3. Người được cấp Chứng chỉ có trách nhiệm quản lý và sử dụng Chứng chỉ đúng mục đích.

4. Không được thuê, mượn, cho thuê, cho mượn Chứng chỉ để hành nghề; không được sửa chữa, tẩy xóa Chứng chỉ.

Điều 16. Sử dụng Chứng chỉ

1. Chứng chỉ được sử dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

2. Cá nhân được cấp Chứng chỉ phải xuất trình Chứng chỉ và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 17. Đổi Chứng chỉ

1. Việc đổi Chứng chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01 đến 03 tháng trước khi Chứng chỉ hết giá trị sử dụng. Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được đổi Chứng chỉ phải đáp ứng các điều kiện dưới đây:

a) Trong khoảng thời gian có giá trị sử dụng của Chứng chỉ, phải tham gia thẩm tra an toàn giao thông đường bộ ít nhất 03 (ba) công trình;

b) Không vi phạm các quy định của pháp luật về thực hiện công tác thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

2. Thủ tục xin đổi Chứng chỉ:

a) Trình tự, cách thực thực hiện thủ tục đổi Chứng chỉ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị đổi Chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 (một) bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị đổi Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này;

- Bản khai kinh nghiệm thực hiện thẩm tra an toàn giao thông, không mắc sai phạm hành nghề trong khoảng thời gian có hiệu lực của Chứng chỉ xin đổi (bản khai có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý người có Chứng chỉ).

Điều 18. Cấp lại Chứng chỉ

1. Trong thời gian Chứng chỉ còn giá trị sử dụng, Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp lại Chứng chỉ trong các trường hợp Chứng chỉ bị mất, bị hư hỏng.

2. Thủ tục xin cấp lại Chứng chỉ:

a) Trình tự, cách thực hiện thủ tục cấp lại Chứng chỉ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 (một) bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này;

- Chứng chỉ cũ bị hư hỏng.

3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, cấp lại Chứng chỉ theo thời hạn của Chứng chỉ đã cấp.

Điều 19. Thu hồi Chứng chỉ

1. Chứng chỉ bị thu hồi trong trường hợp:

a) Bị tẩy, xóa, sửa chữa;

b) Cho thuê, mượn để sử dụng trái quy định;

c) Phát hiện có sự không trung thực trong Hồ sơ đăng ký học của Học viên;

d) Phát hiện có sai phạm của Cơ sở đào tạo trong quá trình đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện thu hồi Chứng chỉ.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, thông báo về các trường hợp vi phạm.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đã được Cục Đường bộ Việt Nam (nay là Tổng cục Đường bộ Việt Nam) cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được đổi thành Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Thủ tục đổi Chứng chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ

I. Thời gian đào tạo: 07 ngày, trong đó:

- Năm (05) ngày giảng dạy về lý thuyết.

- Hai (02) ngày bài tập tình huống, đi thăm hiện trường, giải đáp thắc mắc và tổ chức thi.

II. Chương trình khung đào tạo

TT	Nội dung		Số tiết (56)	Ghi chú
	Học phần I: Giới thiệu chung			
1	**Chuyên đề 1**	**Giới thiệu** 1.1. Tổng quan 1.2. Giới thiệu chương trình đào tạo 1.3. Giới thiệu tổ chức đào tạo	01	**Học ngày thứ 1**
2	**Chuyên đề 2**	**Sự cần thiết của công tác thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 2.1. Tổng quan 2.2. Phát triển hệ thống thẩm tra ATGT đường bộ 2.3. Mục đích của thẩm tra ATGT đường bộ 2.4. Sự cần thiết phải thẩm tra ATGT đường bộ 2.5. Một số vấn đề tồn tại 2.6. Sự cần thiết phải đào tạo thẩm tra viên ATGT đường bộ		
3	**Chuyên đề 3**	**Giới thiệu các văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 3.1. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật 3.2. Giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật	03	

TT	Nội dung		Số tiết (56)	Ghi chú
Học Phần II: Kỹ thuật an toàn GTĐB và những vấn đề liên quan				
4	**Chuyên đề 4**	**Các khía cạnh chung của an toàn giao thông đường bộ** 4.1. Các vấn đề chung về an toàn giao thông đường bộ 4.2. Giao thông đường bộ và tai nạn giao thông đường bộ ở Việt Nam	01	
5	**Chuyên đề 5**	**Nhân tố con người trong an toàn giao thông** 5.1. Tổng quan 5.2. Nội dung	01	
6	**Chuyên đề 6**	**Tai nạn và kỹ thuật an toàn giao thông đường bộ** 6.1. Tai nạn giao thông 6.2. Kỹ thuật an toàn giao thông đường bộ	01	
7	**Chuyên đề 7**	**Quy hoạch giao thông** 7.1. Những vấn đề chung về quy hoạch 7.2. Xem xét an toàn giao thông đường bộ trong quy hoạch	01	
8	**Chuyên đề 8**	**Biển báo và Vạch kẻ đường** 8.1. Biển báo 8.2. Sơn kẻ vạch trên mặt đường	04	**Học ngày thứ 2**
9	**Chuyên đề 9**	**Nút giao đường bộ (giao đồng mức, giao khác mức)** 9.1. Vai trò của hệ thống các văn bản kỹ thuật đối với công tác thẩm tra an toàn giao thông đường bộ 9.2. Danh sách các văn bản kỹ thuật có liên quan đến công tác thẩm tra ATGT đường bộ	04	

TT	Nội dung		Số tiết (56)	Ghi chú
		9.3. Giới thiệu nội dung các văn bản kỹ thuật có liên quan		
10	**Chuyên đề 10**	**Nút giao - Vòng xuyến** 10.1. Mục tiêu và nhiệm vụ thiết kế 10.2. Bình đồ 10.3. Trắc dọc 10.4. Tầm nhìn xe chạy 10.5. Trắc ngang 10.6. Phối hợp các yếu tố tuyến		
11	**Chuyên đề 11**	**Các Thành phần thiết kế đường** 11.1. Khái niệm chung về nút giao thông 11.2. Phân loại và phạm vi áp dụng 11.3. Các yếu tố cần xem xét 11.4. An toàn trong nút giao		
12	**Chuyên đề 12**	**Lề đường** 12.1. Khái niệm và phân loại 12.2. Ưu khuyết điểm và phạm vi áp dụng 12.3. Các cấu tạo chủ yếu		
13	**Chuyên đề 13**	**Giới thiệu các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 13.1. Lợi ích của an toàn hai bên đường 13.2. Khu vực an toàn hai bên đường 13.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn hai bên đường	04	**Ngày thứ 3**
14	**Chuyên đề 14**	**Xác định dự án và lựa chọn tổ chức tư vấn thẩm tra ATGT đường bộ** 14.1. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm tra ATGT 14.2. Các căn cứ làm cơ sở thẩm tra ATGT 14.3. Báo cáo thẩm tra ATGT 14.4. Trình tự thẩm tra ATGT 14.5. Trình tự thẩm tra ATGT đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo	02	

TT	Nội dung		Số tiết (56)	Ghi chú
		14.6. Trình tự thẩm tra ATGT trong quá trình khai thác 14.7. Nội dung thẩm tra ATGT giai đoạn lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình 14.8. Nội dung thẩm tra ATGT giai đoạn lập dự án đầu tư XDCT hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật XDCT 14.9. Nội dung thẩm tra ATGT giai đoạn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước và 2 bước) và trong quá trình xây dựng 14.10. Nội dung thẩm tra an toàn giao thông giai đoạn trước khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác 14.11. Nội dung thẩm tra an toàn giao thông trong quá trình khai thác đường		
15	**Chuyên đề 15**	**Tiêu chuẩn Thẩm tra viên, Chủ nhiệm Thẩm tra và lập báo cáo thẩm tra ATGT đường bộ** 15.1. Xác định dự án thẩm tra An toàn giao thông 15.2. Yêu cầu về năng lực của Tổ chức thẩm tra ATGT 15.3. Yêu cầu về năng lực của cá nhân tham gia thẩm tra ATGT (sau đây gọi tắt là thẩm tra viên) 15.4. Yêu cầu về năng lực của cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thẩm tra 15.5. Tuyển chọn tổ chức thẩm tra an toàn giao thông	02	
Học phần III: Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ				
		Quy định về thẩm tra ATGTĐB - Thông tư 39/2011/TT-BGTVT 16.1. Tổng quan	04	**Ngày thứ 4**

TT	Nội dung		Số tiết (56)	Ghi chú
16	**Chuyên đề 16**	16.2. Một số nguyên tắc thiết kế đảm bảo an toàn 16.3. Vận dụng kỹ thuật ATĐB trong thẩm tra		
17	**Chuyên đề 17**	**Các khía cạnh kỹ thuật của Thẩm tra ATGTĐB** 17.1. Tổng quan 17.2. Giai đoạn dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật		
18	**Chuyên đề 18**	**Danh mục thẩm tra - Giai đoạn Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (Điều 55 - Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT)** 18.1. Giai đoạn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công 18.2. Giai đoạn trước khi đưa công trình vào khai thác	04	
19	**Chuyên đề 19**	**Danh mục thẩm tra - Giai đoạn Dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Điều 56 -Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT)** 19.1. Tổng quan 19.2. Các nội dung cụ thể cần quan tâm khi thực hiện thẩm tra 19.3. Chương trình đánh giá đường bộ quốc tế iRAP		
20	**Chuyên đề 20**	**Danh mục thẩm tra - giai đoạn thiết kế kỹ thuật (dự án thiết kế 3 bước) hoặc giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công (dự án thiết kế 1 hoặc 2 bước) và trong quá trình thi công (Điều 57 - Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT)** 20.1. Định nghĩa và phát hiện điểm đen TNGT đường bộ 20.2. Các biện pháp xử lý điểm đen TNGT đường bộ	04	**Ngày thứ 5**

TT	Nội dung		Số tiết (56)	Ghi chú
21	**Chuyên đề 21**	**Danh mục thẩm tra - giai đoạn Trước khi đưa công trình vào khai thác (Điều 58 - Thông tư 39/2011/TT-BGTVT)**		
22	**Chuyên đề 22**	**Danh mục thẩm tra - công trình đang khai thác (Điều 59 - Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT)**		
23	**Chuyên đề 23**	**Phát hiện, phân tích và xử lý điểm đen**	04	
24	**Chuyên đề 24**	**Ví dụ về thẩm tra ATGTĐB giải đáp thắc mắc và thảo luận**	04	**Ngày thứ 6**
25	**Chuyên đề 25**	**Bài tập tình huống, đi thăm hiện trường**	04	
26		**Ôn tập**	04	**Ngày thứ 7**
27		**Tổ chức thi**	04	

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU GIẤY CHẤP THUẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCT-TCĐBVN	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20...*

GIẤY CHẤP THUẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /2012/TT-BGTVT ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, cấp và quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của (tên Cơ sở đào tạo)..... tại Công văn..... số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... về việc chấp thuận Cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho .....

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ.....,

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

1. Chấp thuận (*Cơ sở đào tạo*): .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

2. Người đại diện hợp pháp (*của Cơ sở đào tạo*): ....., chức vụ.....

Số CMND (hoặc số hộ chiếu)....., cấp tại ..... ngày.... tháng .... năm 20..

Là Cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

3. Giấy Chấp thuận này có giá trị đến hết ngày. ..... tháng ..... năm 20.....

4. Cơ sở đào tạo phải xuất trình Giấy chấp thuận và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh màu
4 x 6m

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi (Cơ sở đào tạo).....

1. Họ và tên:.....
2. Sinh ngày:..... tháng..... năm .....
3. Nơi sinh:.....
4. Quốc tịch:.....
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu):.....
   Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
6. Địa chỉ thường trú:.....
7. Trình độ chuyên môn:.....

Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:.....

8. Kinh nghiệm nghề nghiệp:.....

- Số công trình đường bộ đã chủ trì thiết kế:.....
- Công tác quản lý giao thông đường bộ đã tham gia:.....
- Số công trình an toàn giao thông đường bộ đã thiết kế hoặc trực tiếp xử lý:.....

Đề nghị được tham gia khóa học cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung khai trên và cam kết chấp hành mọi quy định của khóa học.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Họ và tên:

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đường bộ (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc đã thực hiện):

STT	Thời gian	Đơn vị công tác	Nội dung công việc hoạt động (thiết kế công trình đường bộ; quản lý giao thông đường bộ; thiết kế hoặc trực tiếp xử lý an toàn giao thông)

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản tự khai này.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp	**Người làm đơn**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU TỜ TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ

.....(2).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(1).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-.....	*....., ngày..... tháng ..... năm 20.....*

TỜ TRÌNH

Cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện Thông tư số ...../2012/TT-BGTVT ngày ..... tháng ... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp và quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

Thực hiện Kế hoạch đào tạo số ...../.... ngày ... tháng .... năm 20.. của ... (1)...;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày ... tháng ..... năm 20... của ...(1)... về việc công nhận kết quả thi Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ của Lớp..., Khóa...;(1)....., đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các nội dung dưới đây:

1. Tên Cơ sở đào tạo: .....(1).....;

Địa chỉ:.....;

Điện thoại.....; Fax: .....

2. Tóm tắt quá trình đào tạo (chương trình, kế hoạch, số lượng học viên tham gia khóa học, kết quả thi, v.v...);

3. Số lượng Chứng chỉ đề nghị cấp: .....Chứng chỉ;

Danh sách Học viên đề nghị cấp Chứng chỉ theo Quyết định công nhận kết quả thi số .../QĐ-... ngày ... tháng .... năm 20.... (Học viên đạt kết quả từ 60/100 điểm trở lên)

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- .....(2)..... (để b/c);	
- Lưu: VT, ...	

Ghi chú:

(1): Tên Cơ sở đào tạo;

(2): Tên cấp trên Cơ sở đào tạo (nếu có).

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Ảnh 4 x 6

(đóng dấu nổi của cơ quan trực tiếp cấp chứng chỉ)

Cấp cho:

Sinh ngày: Tại:

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành:

Tổ chức tại:

Từ ngày: Đến ngày:

Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm .....

Số : -

Có giá trị đến ngày ... tháng ... năm .....

Hình thức Chứng chỉ:

- Bìa cứng, một mặt, có kích thước 200 x 140 mm, có nền hoa văn chìm hình quốc huy.

- Số Chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu “ - ”:

- Nhóm 1: Có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp Chứng chỉ;

- Nhóm 2: Có 05 chữ số ghi số thứ tự Chứng chỉ.

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh màu
4 x 6cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Tôi là:..... Quốc tịch:.....
Sinh ngày:..... tháng..... năm .....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
Nơi cư trú:.....
Số CMND (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
Tôi đã tham gia khóa đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do .....(1) ..... tổ chức tại:.....
Tôi đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; thông tin về Chứng chỉ:
+ Số Chứng chỉ: .....;
+ Ngày cấp Chứng chỉ: .....;
+ Có giá trị đến ngày .....
Đề nghị cho tôi được đổi (*hoặc*) cấp lại Chứng chỉ
Lý do:.....(2).....
Xin gửi kèm theo:
- 02 (hai) ảnh màu kiểu giấy chứng minh nhân dân cỡ 4 x 6cm;
- Chứng chỉ bị hư hỏng. (3)
- Bản khai về tham gia thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ trong thời gian có hiệu lực của Chứng chỉ xin đổi. (4)

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng.....năm 20....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi:

(1): Tên Cơ sở đào tạo.

(2): Trường hợp đổi Chứng chỉ, lý do là Chứng chỉ hết thời hạn sử dụng; trường hợp cấp lại Chứng chỉ, lý do bị mất hoặc bị hư hỏng.

(3) Trường hợp cấp lại Chứng chỉ bị hư hỏng, rách nát.

(4) Trường hợp đổi Chứng chỉ.

Lưu ý: Trường hợp giả khai báo mất, tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên Chứng chỉ hoặc có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại Chứng chỉ, ngoài việc bị Tổng cục ĐBVN thu hồi Chứng chỉ còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp Chứng chỉ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm.